

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/DSPT.
Ngày: 23 - 11 - 2018
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Phương.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thảo - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định:* Ông Đặng Xuân Nam
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2018/DSPT ngày 05 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp “ *Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DSST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định bị kháng cáo:

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 314/2018/QĐPT ngày 07/11/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện P, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Ông Mai P, sinh năm 1942

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Mai Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Vào ngày 04/3/2017 (ÂL), ông có mua của ông Mai P 01 máy nổ loại D28 với giá 4.500.000đ, khi mua bán thì hai bên thỏa thuận bằng miệng chứ không viết giấy tờ gì. Theo đó, giữa ông và ông Mai P hoán đổi máy nổ cho nhau. Ông đưa máy nổ của ông loại D24 có công suất nhỏ hơn quy ra giá trị là 1.000.000đ, ông Phiên giao máy nổ D28 cho ông và ông phải trả thêm cho ông P 3.500.000đ. Ngoài ra, hai bên còn cam kết thời gian bảo hành máy nổ D28 cho ông là 01 năm. Việc cam kết và mua bán tài sản giữa ông và ông Mai P có sự chứng kiến của ông Trần Văn D, trú tại thôn T, xã C, huyện P. Sau khi mua máy nổ của ông Mai P về sử dụng được khoảng 03 ngày thì máy bị trục trặc không sử dụng được. Ông có điện báo cho ông P đến sửa chữa, nhưng sau đó ông cho tàu chạy ra biển đánh bắt hải sản, chạy được khoảng 300m máy nổ lại bị trục trặc tiếp không hoạt động được. Ông nhiều lần điện cho ông P đến sửa chữa nhưng ông P cố tình không đến, do bức tức nên ông bảo con trai ông chở máy nổ D28 trả cho ông P và chở máy nổ D24 của ông về và đòi lại 3.500.000đ mà ông đã trả cho ông P. Ông P không chịu trả tiền vì ông cho rằng máy của ông bị hư hỏng nặng không khắc phục được và cho rằng ông không biết sử dụng nên máy nổ mới bị hư hỏng. Tại tòa ông P chỉ thừa nhận ông đưa cho ông P 3.000.000đ chứ không phải 3.500.000đ, việc này ông chấp nhận vì ông không có chứng cứ để chứng minh. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Mai P phải trả lại cho ông số tiền 3.000.000đ. Về thời gian bảo hành máy nổ, ông P khai nại chỉ bảo hành có 05 ngày là không có cơ sở nên ông không đồng ý.

Trong bản tự khai ngày 11/5/2018, quá trình xét xử vụ án, bị đơn ông Mai Phiên trình bày:

Về thời gian, nội dung mua bán máy nổ và căn trừ giá trị máy nổ theo thỏa thuận bằng miệng giữa hai bên ông thống nhất như lời trình bày của ông M, nhưng về thời gian cam kết bảo hành máy nổ 01 năm ông M và ông Trần Văn D trình bày là không đúng, ông chỉ cam kết bảo hành máy nổ trong vòng 05 ngày. Nội dung cam kết nếu trong 05 ngày máy nổ có trục trặc gì thì ông M điện báo cho ông đến sửa chữa. Nhưng do ông M không biết sử dụng máy nên máy nổ bị trục trặc thường xuyên, nhiều lần ông M điện báo nhưng ông không có thời gian nên ông không đến sửa chữa được. Ông bức tức nên có điện thoại báo cho ông M chở máy nổ của ông trả lại cho ông và chở máy nổ của ông M về ông sẽ trả lại cho ông M 3.000.000đ. Về số tiền mua bán và căn trừ máy nổ ông M chỉ đưa cho ông 3.000.000đ chứ không phải 3.500.000đ như ông M trình bày, do ông M để thời gian quá lâu mới chở máy nổ D28 trả cho ông nên hiện tại máy hư hỏng quá nặng không khắc phục được, gây ra thiệt hại lớn về kinh tế cho ông. Nay ông M yêu cầu ông trả lại 3.000.000đ thì ông không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DSST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định đã quyết định:

Áp dụng Điều 385, Điều 426, Điều 430 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016:

Buộc ông Mai P phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền mua máy nổ D28 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Bác lời nại từ chối trả tiền của ông Mai P đối với yêu cầu của ông Nguyễn Văn M.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi suất chậm trả, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/9/2018, ông Mai P đã có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của ông Mai P. Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Mai P có kháng cáo nhưng đã quá hạn. Ngày 26/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xét chấp nhận kháng cáo quá hạn, ông P đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đầy đủ. Tại phiên tòa hôm nay, ông Mai P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Mai P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa ông Mai P và ông Nguyễn Văn M thống nhất có thỏa thuận bằng miệng về việc ông M mua của ông Phiên 01 máy nổ loại D28 có giá trị 4.500.000đ, ông M thanh toán cho ông P cho bằng 01 máy nổ loại D24 có giá trị 1.000.000đ và 3.500.000đ (tại phiên tòa sơ thẩm các bên thống nhất là 3.000.000đ), ông M đã nhận máy nổ D28 của ông P, ông P đã nhận máy nổ D24 (có giá trị 1.000.000đ) và 3.000.000đ của ông M. Trong quá trình sử dụng, máy nổ của ông P đã xảy ra nhiều trục trặc, ông

M đã nhiều lần gọi điện cho ông P đến sửa chữa nhưng ông P cũng không đến. Ông M nại thời gian bảo hành máy nổ D28 là 01 năm và yêu cầu ông P phải hoàn trả 3.000.000đ, còn ông P thì nại thời gian bảo hành là 05 ngày và không đồng ý hoàn trả 3.000.000đ cho ông M. Tòa xét: Khi hai bên giao kết hợp đồng có người làm chứng là ông Trần Văn D chứng kiến, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2018 ông D đã khai: “...*Ông P đảm bảo bảo hành máy nổ bán cho ông M 01 năm tức trong một năm nếu máy nổ ông mười sử dụng có hư hỏng, trực trặc gì ông P sẽ chịu...*” (BL 12) và tại phiên Hòa giải ngày 28/5/2018 ông P cũng đã thừa nhận: “...*Vì ông M không biết sử dụng nên máy bị trực trặc thường xuyên, ông M điện sửa liên tục nên tôi bức mình có bảo ông M chở trả máy nổ cho tôi chở máy nổ ông về, tôi sẽ trả ông M 3.000.000đ ...*” (BL 18). Điều đó chứng tỏ thời gian bảo hành bảo hành máy nổ D28 là 01 năm, việc mua bán giữa hai bên không đạt kết quả là hoàn toàn do lỗi của ông P xuất phát từ việc không sửa chữa máy nổ cho ông M trong thời gian bảo hành. Mặt khác, ông P cũng đã nhận lại máy nổ D28 của mình và trả lại máy nổ D24 cho ông M nhưng chưa trả lại 3.000.000đ cho Ông M. Hơn nữa ý chí của ông P cũng muốn hoàn trả cho ông M 3.000.000đ để chấm dứt việc mua bán. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M và buộc ông P hoàn trả cho ông M 3.000.000đ là có căn cứ.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Mai P không được chấp nhận nên ông Mai P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của ông Mai P là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giữ nguyên bản án số: 05/2018/DS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 308, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 385, Điều 426, khoản 2 Điều 427, Điều 430, Điều 441, Điều 446, 447, 448 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Giữ nguyên bản án số: 05/2018/DS-ST ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

1. Buộc ông Mai P phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền mua máy nổ D28 là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2. Bác lời ông Mai P nại không đồng ý trả 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho ông Nguyễn Văn M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Mai P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006787 ngày 11/5/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Mai P phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004068 ngày 05/10/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Cơ quan THADS huyện Phù Cát;
- TAND huyện Phù Cát;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

